

GÓI KHÁM SỨC KHỎE NINGEN DOCK LITE

			KH >= 50 tuổi		KH < 50 tuổi	
STT	DANH MỤC	Ý NGHĨA	NAM	NỮ	NAM	NỮ
A. KHÁM LÂM SÀNG						
1	Khai thác tiền sử + Đo chỉ số sinh tồn	Đánh giá sơ bộ để tìm những vấn đề bất thường và khoanh vùng những điểm bác sĩ cần tập trung khám	x	x	x	x
2	Khám Nội chuyên sâu	Xác nhận tình trạng sức khỏe tại thời điểm khám, tìm ra các triệu chứng thực thể và triệu chứng cơ năng của khách hàng	x	x	x	x
3	Khám chuyên khoa Mắt	Khám và phát hiện bệnh về mắt, tổn thương vùng mắt và xung quanh mắt	x	x	x	x
4	Khám chuyên khoa Tai mũi họng	Khám và phát hiện các bệnh về tai, mũi xoang, vòm mũi họng, khoang miệng, hầu họng, thanh quản, cũng như các cấu trúc của vùng cổ và mặt	x	x	x	x
5	Khám Phụ khoa	Kiểm tra và phát hiện các bệnh lý phụ khoa, tầm soát ung thư cổ tử cung, buồng trứng...		x		x
6	Đọc kết quả Chẩn đoán hình ảnh bởi Chuyên gia CĐHA Nhật Bản khi phát hiện bất thường	Đảm bảo kết quả chẩn đoán hình ảnh được đọc, phân tích và đưa ra kết quả chính xác nhất giúp bác sĩ có thể đánh giá và kết luận phù hợp tình trạng sức khỏe khách hàng	x	x	x	x
B. XÉT NGHIỆM						
HUYẾT HỌC						
1	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi 22 thông số	Cung cấp thông tin về các loại và số lượng tế bào hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu trong máu, giúp chẩn đoán tình trạng thiếu máu, nhiễm trùng và nhiều rối loạn khác	x		x	
2	Đông máu cơ bản	Phát hiện, chẩn đoán và xử trí các rối loạn đông cầm máu	x	x	x	x
3	Nhóm máu ABO Rh	Xác định nhóm máu hệ ABO và phân hệ yếu tố RhD(+), RhD(-) để phòng khi cần truyền hoặc cho máu	x	x	x	x
SINH HÓA						
1	Định lượng Triglyceride	Đánh giá tình trạng rối loạn chuyển hóa mỡ máu và nguy cơ mắc các bệnh lý tim mạch	x	x	x	x
2	Định lượng LDL - C	Đánh giá tình trạng rối loạn chuyển hóa mỡ máu và nguy cơ mắc các bệnh lý tim mạch	x	x	x	x
3	Định lượng HDL - C	Đánh giá tình trạng chuyển hóa mỡ máu, đơn thuần hay kết hợp với các thông số mỡ máu khác	x	x	x	x
4	Định lượng Cholesterol	Đánh giá tình trạng rối loạn chuyển hóa mỡ máu và nguy cơ mắc các bệnh lý tim mạch	x	x	x	x
5	Định lượng Glucose	Đánh giá tình trạng chuyển hóa đường, chẩn đoán tiểu đường, rối loạn dung nạp đường máu	x	x	x	x
6	Định lượng HbA1c	Đánh giá mức độ kiểm soát đường huyết trước đó 3 tháng, theo dõi điều trị tiểu đường	x	x	x	x
7	Đo hoạt độ GGT	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	x	x	x	x
8	Đo hoạt độ AST	Đánh giá mức độ tổn thương tế bào gan	x	x	x	x
9	Đo hoạt độ ALT	Đánh giá mức độ tổn thương màng tế bào gan, biểu mô đường mật trong gan	x	x	x	x
10	Định lượng Ure trong máu	Đánh giá chức năng thận và theo dõi các bệnh lý liên quan đến thận	x	x	x	x
11	Định lượng Creatinine	Đánh giá chức năng lọc của cầu thận, giúp phân độ suy thận và chẩn đoán sớm rối loạn chức năng thận từ nhẹ tới vừa	x	x	x	x

GÓI KHÁM SỨC KHỎE NINGEN DOCK LITE

STT	DANH MỤC	Ý NGHĨA	KH \geq 50 tuổi		KH < 50 tuổi	
			NAM	NỮ	NAM	NỮ
12	Định lượng Acid uric	Chẩn đoán, theo dõi bệnh Gout, nhiễm khuẩn, thiếu máu ác tính, đa hồng cầu, cường cận giáp	x	x	x	x
13	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	Đo nồng độ của các chất điện giải bên trong cơ thể, từ đó sàng lọc sự mất cân bằng xảy ra trong máu, mất cân bằng axit – bazơ và chức năng thận	x	x	x	x
14	Định lượng Bilirubin toàn phần	Chẩn đoán, theo dõi và phân biệt các trường hợp vàng da do các nguyên nhân trước, trong và sau gan như: tan huyết, viêm gan, tắc mật...	x	x	x	x
15	Định lượng LDH	Đánh giá tình trạng rối loạn chuyển hóa mỡ máu và nguy cơ mắc các bệnh lý tim mạch	x	x	x	x
16	Định lượng Calci toàn phần	Đánh giá sự chuyển hoá Calci huyết và chức năng tuyến cận giáp.	x	x	x	x
17	Định lượng Ferritin	Đánh giá lượng sắt dự trữ của cơ thể	x	x	x	x
18	Định lượng 25OH Vitamin D (D3)	Đánh giá tình trạng liên quan đến sự khoáng hóa xương, liên quan đến một số gen chịu trách nhiệm về điều hòa sự tăng sinh của tế bào, sự biệt hóa tế bào, miễn dịch...	x	x	x	x
19	Định lượng D-Dimer	Hỗ trợ chẩn đoán các bệnh lý liên quan đến huyết khối và tăng đông máu bất thường	x	x	x	x
20	Định lượng FT4	Đánh giá chức năng tuyến giáp, chẩn đoán bệnh lý tuyến giáp, tuyến yên	x	x	x	x
21	Định lượng TSH	Đánh giá chức năng tuyến giáp, chẩn đoán bệnh lý tuyến giáp, tuyến yên	x	x	x	x
XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH CÁC DẤU ẤN UNG THƯ						
16	Định lượng AFP	Sàng lọc và theo dõi điều trị ung thư tế bào gan nguyên phát, ung thư tế bào mầm (tinh hoàn)...	x	x	x	x
17	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen)	Sàng lọc và theo dõi điều trị ung thư tuyến tiền liệt	x		x	
18	Định lượng PSA toàn phần	Sàng lọc và theo dõi điều trị ung thư tuyến tiền liệt	x		x	
19	Định lượng CEA	Sàng lọc và theo dõi điều trị ung thư đại tràng, trực tràng và một số ung thư đường tiêu hóa khác	x	x	x	x
XÉT NGHIỆM VI SINH						
1	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Thin Prep	Tầm soát những tổn thương tiền ung thư và ung thư tại cổ tử cung ThinPrep được FDA phê duyệt vì tính hiệu quả cao hơn đáng kể so với xét nghiệm Pap truyền thống. Từ đó, khắc phục các trường hợp âm tính giả, đưa ra dự đoán, sàng lọc về ung thư cổ tử cung một cách chính xác hơn.		x		x
2	Làm test Hp (Urease)	Kiểm tra sự xuất hiện của vi khuẩn Helicobacter pylori trong dạ dày, tá tràng	x	x	x	x
3	Vi khuẩn nhuộm soi (dịch âm đạo)	Đánh giá tỷ lệ vi khuẩn dịch âm đạo, tìm vi khuẩn, nấm, trichomonas, lậu cầu hay đơn bào gây bệnh thường gặp		x		x
4	HPV genotype PCR (Xét nghiệm HPV high low risk)	Tìm HPV - tác nhân chính gây ung thư cổ tử cung ở nữ		x		x

GÓI KHÁM SỨC KHỎE NINGEN DOCK LITE

STT	DANH MỤC	Ý NGHĨA	KH >= 50 tuổi		KH < 50 tuổi	
			NAM	NỮ	NAM	NỮ
XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH						
1	HBsAg miễn dịch tự động	Đánh giá tình trạng mắc virus viêm gan B	x	x		
2	Anti HBs miễn dịch tự động	Kiểm tra nồng độ kháng thể viêm gan B có trong máu, đánh giá khả năng bảo vệ cơ thể và chống lại sự xâm nhập của virus sau khi tiêm phòng	x	x	x	x
3	HCV ab miễn dịch tự động	Phát hiện kháng thể viêm gan C	x	x	x	x
4	Anti HBc total	Kết hợp cùng với xét nghiệm HBsAg và Anti HBs để sàng lọc và đánh giá tình trạng nhiễm virus viêm gan B, bao gồm cả trường hợp nhiễm virus viêm gan B thể ẩn trong tế bào gan.	x	x	x	x
XÉT NGHIỆM NƯỚC TIỂU						
1	Tổng phân tích nước tiểu 11 thông số	Sàng lọc và giúp chẩn đoán các tình trạng như nhiễm khuẩn đường tiết niệu, rối loạn thận, bệnh gan, đái tháo đường hoặc các tình trạng trao đổi chất khác	x	x	x	x
C. THĂM DÒ CHỨC NĂNG						
1	Điện tim	Chẩn đoán và theo dõi một số bệnh lý tim như rối loạn nhịp tim, nhồi máu cơ tim, bất thường cấu trúc tim...	x	x	x	x
2	Đo mật độ xương toàn thân	Đo lượng calci và chất khoáng trong xương, kịp thời phát hiện sự giảm khối lượng xương	x	x	x	x
3	Đo độ khúc xạ	Giúp kiểm tra khả năng nhìn của mắt, đồng thời phát hiện sớm và chính xác tật khúc xạ mà mắt đang mắc phải	x	x	x	x
4	Chụp ảnh đáy mắt	Phát hiện các vấn đề liên quan tổn thương võng mạc như bệnh lý võng mạc đái tháo đường	x	x	x	x
5	Soi cổ tử cung	Quan sát trực tiếp, nhận biết vị trí và mức độ tổn thương tại cổ tử cung, âm đạo giúp phát hiện sớm các bệnh lý viêm nhiễm, polyp, ung thư cổ tử cung...		x		x
6	Nội soi tai mũi họng	Thăm khám, quan sát trực tiếp, nhận biết vị trí và mức độ các tổn thương tại tai, mũi, họng	x	x	x	x
7	Nội soi đường tiêu hóa trên (Thực quản-dạ dày-tá tràng) thông thường	Quan sát trực tiếp, nhận biết vị trí và mức độ tổn thương tại đường tiêu hóa trên: thực quản, dạ dày, tá tràng	x	x	x	x
8	Nội soi đại tràng toàn bộ thông thường	Quan sát trực tiếp, nhận biết vị trí và mức độ tổn thương tại đường tiêu hóa dưới: hậu môn, trực tràng, đại tràng toàn bộ	x	x	x	x
9	Dịch vụ gây mê nội soi tiêu hóa (trên dưới)	Tránh được tình trạng buồn nôn, khó chịu trong quá trình nội soi, giảm nguy cơ va chạm mạnh gây chảy máu, thủng, rách hoặc nhiễm trùng cơ quan đường tiêu hóa	x	x	x	x

GÓI KHÁM SỨC KHỎE NINGEN DOCK LITE

STT	DANH MỤC	Ý NGHĨA	KH >= 50 tuổi		KH < 50 tuổi	
			NAM	NỮ	NAM	NỮ
D. CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH						
1	Siêu âm Doppler tim, màng tim qua thành ngực	Kiểm tra cấu trúc, chức năng tim, phát hiện vấn đề ở tim như hở van tim, thông liên thất, thông liên nhĩ và các dị tật tim bẩm sinh khác	x	x	x	x
2	Siêu âm Doppler hệ động mạch cảnh – sống nền ngoài sọ	Sàng lọc và chẩn đoán bệnh lý mạch máu như hẹp hệ động mạch cảnh, xơ vữa các động mạch cảnh, đốt sống, đánh giá vận tốc dòng máu và các bất thường đường đi cũng như thiếu sản các đốt sống...	x	x		
3	Siêu âm vùng cổ (tuyến giáp, hạch, tuyến nước bọt)	Chẩn đoán các bệnh về tuyến giáp, tuyến nước bọt, hạch bất thường vùng cổ như bướu giáp lan tỏa, viêm, u tuyến giáp, viêm tuyến nước bọt, u tuyến nước bọt, hạch lao, hạch viêm, hạch di căn...	x	x	x	x
4	Siêu âm tuyến vú hai bên	Kiểm tra khối u hoặc các bất thường khác ở vú bằng cách sử dụng sóng âm tần số cao nhằm tạo ra hình ảnh chi tiết bên trong vú		x		x
5	Siêu âm tinh hoàn - Doppler tinh hoàn - mào tinh hoàn hai bên	Chẩn đoán các bệnh lý ở cơ quan sinh dục nam như viêm mào tinh hoàn, giãn tĩnh mạch thừng tinh hoàn, xoắn tinh hoàn, tràn dịch tinh hoàn, u tinh hoàn...	x		x	
6	Chụp Xquang tuyến vú 2 bên (Mammography)	Sàng lọc và phát hiện các bệnh lý về tuyến vú và ung thư vú ở giai đoạn sớm		x		x
7	Siêu âm ổ bụng tổng quát	Phát hiện, đánh giá được tổn thương ở các cơ quan trong ổ bụng như gan, mật, lá lách, tụy, hệ tiết niệu như thận, bàng quang, niệu quản, hệ sinh dục như tử cung, buồng trứng ở nữ, tuyến tiền liệt ở nam	x	x	x	x
8	Chụp CLVT 128 dãy ngực - bụng tiểu khung kèm đánh giá mỡ nội tạng (không tiêm thuốc cản quang)	Phát hiện các tổn thương của phổi, trung thất, gan, thận, lách, tụy, bàng quang, tiền liệt tuyến, tử cung buồng trứng, các khối u đường tiêu hóa, khối trong và sau phúc mạc, đánh giá lượng mỡ nội tạng	x	x	x	x
9	Chụp CLVT 128 dãy tính điểm vôi hóa hệ động mạch vành (không tiêm thuốc cản quang)	Đánh giá nguy cơ bệnh lý hẹp mạch vành do vôi hóa các nhánh của động mạch vành gây các triệu chứng của bệnh lý mạch vành như đau ngực...	x	x	x	x
10	Chụp cộng hưởng từ toàn thân tầm soát và đánh giá giai đoạn TNM (1.5 Tesla)	Phát hiện khối bất thường ở sọ não - cột tủy, vùng cổ, trung thất, phổi và màng phổi, thành ngực, các tạng đặc trong ổ bụng và trong khoang phúc mạc	x	x	x	x
GIÁ (VND)			51.000.000		49.900.000	

GÓI KHÁM SỨC KHỎE NINGEN DOCK LITE

QUYỀN LỢI ĐẶC BIỆT: DỊCH VỤ BÁC SĨ RIÊNG CHĂM SÓC SAU KHÁM

A Quyền lợi Lập hồ sơ sức khỏe tổng thể & Chăm sóc sức khỏe toàn diện lâu dài		
1	Khảo sát tiền sử bệnh tật gia đình, lập cây phả hệ theo dõi các bệnh lý liên quan yếu tố di truyền.	
2	Liên tục điều chỉnh kế hoạch chăm sóc theo mức độ cải thiện sức khỏe của khách hàng	
3	Quản lý hồ sơ, lập báo cáo y tế hàng tháng/ quý/ năm	
B Quyền lợi trực tiếp được sử dụng tại phòng khám (số lần)		
1	Khám định kì/theo dõi sức khỏe với bác sĩ riêng hoặc Telehealth	2
2	Khám bệnh phát sinh theo yêu cầu tại TMC hoặc Telehealth	1
3	Kiểm tra sức khỏe tại nhà với Điều dưỡng/ Bác sĩ riêng ⁽¹⁾	1
4	Tham dự các buổi sinh hoạt về y học thường thức, dinh dưỡng, tập luyện, cải thiện bệnh tật tại TMC hoặc online	2
5	Tư vấn miễn phí, hướng dẫn xử lý tình huống y tế khẩn cấp với Bác sĩ riêng/ Dược sĩ /Điều dưỡng qua điện thoại (Bác sĩ xác nhận có thể đảm bảo yếu tố chuyên môn thông qua tư vấn điện thoại mà không hay cần thăm khám trực tiếp)	Không giới hạn số lần
6	Chủ động nhắc nhở lịch chăm sóc sức khỏe (Lịch khám, sử dụng thuốc, tiêm chủng...)	Không giới hạn số lần
7	Chủ động theo dõi, đánh giá thường xuyên các chỉ số liên quan đến sức khỏe theo kế hoạch chăm sóc đã được lập (Qua điện thoại hoặc các lần thăm khám)	Không giới hạn số lần
8	Lập hồ sơ gửi các chuyên gia đầu ngành/ bác sĩ chuyên khoa khi có chỉ định thăm khám điều trị chuyên sâu nội/ngoại trú	Không giới hạn số lần

[1] Phát sinh các lần tiếp theo được giảm 10% so với giá niêm yết

Phụ phí đi lại của Bác sĩ, Điều dưỡng đến thăm khám tại nhà: Từ 10 - 20 km phụ phí đi lại là 300,000 VND;

Từ 20km - 30km phụ phí đi là 500.000 VND